

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT

Ngày 18 - 9 - 2019

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1970

+ Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị:

+ Ngày 22/7/2019 chị Nguyễn Ngọc Y kháng cáo.

+ Ngày 25/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị.

(Chị Y và anh A có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Yến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Y và anh Trần Quốc A thống nhất xác định, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/2017, trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cảm thông chia sẻ với nhau những khó khăn, nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra những mâu thuẫn, mặc dù đã được hai gia đình khuyên ngăn, hàng gấn nhưng vẫn không giải quyết được, nay anh chị cũng thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định, anh chị có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Y ẵm con về nhà cha mẹ ruột sống, trong thời gian vợ chồng không sống chung chị Y trực tiếp nuôi con, đến khoảng tháng 10/2018, anh Quốc A đến nhà chị Y xin đón con về bên nội chơi vài ngày sẽ mang giao lại cho chị Y, nhưng do con bệnh nên anh phải chăm sóc con đến khi hết bệnh, trong thời gian này chị Y không đến chăm sóc con, do chị Y không thể hiện sự quan tâm đến con nên anh không giao con chung lại cho chị Y nuôi dưỡng, khi ly hôn anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nếu được nuôi con chị Y yêu cầu anh Quốc A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, còn anh Quốc A nếu được nuôi con không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung chị xác định: Khi tổ chức đám cưới được gia đình bên chồng tặng cho chung 13,5 chỉ vàng 24k và đôi bông tai, 02 nhẫn cưới, 01 vòng vàng 18k, nhưng không xác định trọng lượng; cha mẹ ruột chị Y có cho riêng chị 10 chỉ vàng 24k, còn anh Quốc A xác định ngày cưới được họ hàng 2 bên cho chung 20 chỉ vàng 24k và 3,5 chỉ vàng 18k. Sau đó, chị Y bán vàng để chi tiêu trong gia đình và đưa tiền cho anh mua xe Exciter biển kiểm soát 94E1-250.00, giá trị mua xe lúc mua là 24.500.000đ. Sau khi mua xe thì chỉ còn lại 19 chỉ vàng 24k do chị Y quản lý. Chị Y xác định, sau ngày cưới 02 tháng, vợ chồng bán 13,5 chỉ vàng để mua xe Exciter biển kiểm soát 94E1-250.00. Sau khi mua xe xong, tài sản chị và anh Quốc A chỉ còn lại 01 chiếc xe Exciter biển kiểm soát 94E1-250.00 và 10 chỉ vàng 24k. Đến khoảng tháng 3/2018 (âl), chị Y cho cha mẹ ruột của chị là ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Kim H mượn 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, chị Y xác định 10 chỉ vàng 24k này là do cha mẹ ruột chị cho riêng chị nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Quốc A.

Đối với 01 đôi bông tai không xác định được trọng lượng, 01 cặp nhẫn cưới, 01 vòng vàng 18k không xác định trọng lượng chị Y đang quản lý 01 vòng vàng 18k, 01 nhẫn cưới anh quản lý 01 nhẫn cưới. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tài sản này.

Ngoài ra, chị Y thừa nhận chị có nhận số tiền thai sản 16.000.000đ. Chị và anh Quốc A thống nhất cho mẹ chồng 2.5000.000đ và mẹ ruột chị là 2.000.000đ, còn lại 11.500.000 đồng chị đã chi xài khi con bệnh và mua sữa cho con hết.

Chị Y đồng ý định giá xe 94E1 – 25000 có giá trị là 14.000.000 đồng; không thừa nhận có giữ 01 chỉ vàng 24k như anh Quốc A xác định. Đối với 01 đôi bông tai không xác định được trọng lượng, 01 cặp nhẫn cưới, 01 vòng vàng 18k không xác định trọng lượng chị Y đang quản lý 01 vòng vàng 18k, 01 nhẫn cưới anh Quốc A quản lý 01 nhẫn cưới. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tài sản này.

Về nợ chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 30/01/2018 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam để vay số tiền 190.000.000đ. Từ khi vay anh Quốc A là người sử dụng toàn bộ số tiền này và trả tiền định kỳ cho Ngân hàng đến nay. Đối với khoản vay này thì chị Y có ý kiến là anh Quốc A tiếp tục trả cho Ngân hàng, chị không phải trả. Đối với khoản vay này thì anh Quốc A đồng ý tiếp tục trả cho Ngân hàng, không yêu cầu chị Y cùng trả.

Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày: Ngày 30/01/2018 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 24/2018/7972026/HĐTD với anh Quốc A và chị Y, cho anh Quốc A và chị Y vay số tiền gốc 190.000.000 đồng, mục đích vay nhu cầu tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi cho vay 11,5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay. Để đảm bảo khoản vay, anh Quốc A và chị Y có thể chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 24/2018/7972026/HĐTC ngày 30/01/2018, với dịch tích 574,8m² tại thửa đất số 316, tờ bản đồ 27; diện tích 341,2m² tại thửa số 17, tờ bản đồ 27, diện tích 110m² tại thửa số 29, tờ bản đồ 27, đại chia: ấp 1A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Dư nợ đến ngày 24/6/2019 là 142.500.000 đồng. Do anh Quốc A và chị Y thực hiện hợp đồng đúng theo thỏa thuận, hợp đồng vẫn còn trong hạn. Khi anh Quốc A và chị Y ly hôn, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản thế chấp, do đó Ngân hàng không yêu cầu anh Quốc A và chị Y trả nợ.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1995 và anh Trần Quốc A, sinh năm 1988.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017 cho anh Trần Quốc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Ngọc Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Quốc A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung:

- Chia cho anh Trần Quốc A 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94E1-250.00 và 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), anh Trần Quốc A đang quản lý, sở hữu xe được tiếp tục quản lý, sở hữu xe.

- Chia cho chị Nguyễn Ngọc Y 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Kim H cùng có trách nhiệm liên đới giao trả cho anh Trần Quốc A 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và trả cho chị Nguyễn Ngọc Y 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

- Buộc anh Trần Quốc A có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Ngọc Y số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết, xét xử đối với yêu cầu của anh Trần Quốc A đòi chia số tiền 13.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k, do anh Trần Quốc A rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân và gia đình, dân sự sơ thẩm; chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/7/2019 chị Nguyễn Ngọc Y kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu anh Trần Quốc A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Ngọc Y rút một phần kháng cáo không yêu cầu anh Trần Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 25/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Quan điểm Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Trần Quốc T dưới 36 tháng tuổi, nhưng cấp sơ thẩm giao cháu Trần Quốc T cho anh Quốc A trực tiếp nuôi dưỡng là không có căn cứ, không đúng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Y và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng giao cháu Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017 cho chị Nguyễn Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Y và anh Trần Quốc A và chia tài sản chung vợ chồng. Xét thấy, sau khi xét xử chị Yến, anh A không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với quan hệ hôn nhân và tài sản chung, nên các nội dung này của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Y và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 12/7/2019 cháu Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017 là dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị Y, anh A không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án quyết định. Tuy nhiên, việc giao con cho chị Y hay anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung.

Xét về điều kiện vật chất chị Y hiện đang là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định từ việc dạy học, có sự hiểu biết nhất định về sự phát triển của trẻ nhất là trẻ ở độ tuổi mầm non và căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014 thì việc giao cháu Trần Quốc T cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của chị Y và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P. Buộc anh Trần Quốc A có trách nhiệm giao cháu Trần Quốc T cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục. Chị Y không yêu cầu anh Trần Quốc A cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quốc T, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Trong thời gian chị Nguyễn Ngọc Y trực tiếp nuôi cháu Trần Quốc T, anh Trần Quốc A có căn cứ cho rằng chị Y không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh Trần Quốc A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

[5] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Y yêu cầu anh Trần Quốc A cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa phúc thẩm chị Y rút kháng cáo đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút kháng cáo của chị Y là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của chị Y.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Y kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Y và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 217, 218, 228, 244, 246, 246, 271, 273, 278 và Điều 280, 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1995 và anh Trần Quốc A, sinh năm 1988.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017 cho chị Nguyễn Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Buộc anh Trần Quốc A có trách nhiệm giao cháu Trần Quốc T, sinh ngày 04/7/2017 cho chị Nguyễn Ngọc Y.

- Anh Trần Quốc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Trường hợp anh Trần Quốc A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử phúc thẩm do chị Nguyễn Ngọc Y rút kháng cáo.

3. Về quan hệ tài sản chung:

+ Chia cho anh Trần Quốc A 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94E1-250.00 và 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%), anh Trần Quốc A đang quản lý, sở hữu xe được tiếp tục quản lý, sở hữu xe.

+ Chia cho chị Nguyễn Ngọc Y 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Kim H cùng có trách nhiệm liên đới giao trả cho anh Trần Quốc A 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%) và trả cho chị Nguyễn Ngọc Y 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%).

+ Buộc anh Trần Quốc A có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Ngọc Y số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

+ Đình chỉ giải quyết, xét xử đối với yêu cầu của anh Trần Quốc A đòi chia số tiền 13.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k, do anh Trần Quốc A rút yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình, dân sự sơ thẩm và chi phí định giá:

+ Án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 963.750đ, cộng chung là 1.263.750 đồng, chị Nguyễn Ngọc Y đã nộp tạm ứng án phí 1.062.000 đồng, theo biên lai thu số 0014211 ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, chị Nguyễn Ngọc Y còn phải nộp thêm số tiền 201.750đ (Hai trăm lẻ một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Buộc anh Trần Quốc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 963.750 đồng (chín trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), anh Trần Quốc A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000đ, theo biên lai thu số 0013793 ngày 15/01/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, anh Trần Quốc A còn phải nộp thêm số tiền 363.750 đồng (ba trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Buộc ông Nguyễn Gia T và bà Nguyễn Kim H phải nộp chung số tiền án phí dân sự 1.927.500 đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

+ Chi phí định giá: Chi phí định giá tài sản 400.000đ, anh Trần Quốc A và chị Nguyễn Ngọc Y mỗi người phải chịu 200.000đ, anh Trần Quốc A đã nộp 400.000đ, buộc chị Nguyễn Ngọc Y có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Trần Quốc A số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Y không phải chịu, chị Nguyễn Ngọc Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004260 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện PL (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện PL (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn